

Sơn La

Kết quả thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do của địa phương

Trung bình thấp

NHÓM 6/6

XẾP LOẠI

Trung bình thấp

Nhóm 6/6 — **Hạng 34/34** (cuối bảng cả nước).

ĐIỂM TỔNG HỢP

11,62 / 40

Thấp hơn mức trung bình cả nước (21,66) **10,04 điểm**.

NGHỊCH LÝ ĐẶC TRƯNG

3 / 34

Tận dụng FTA — doanh nghiệp xếp **hạng 3** dù xếp cuối bảng tổng thể.

TỔNG QUAN BỐN TRỤ CỘT

A TIẾP CẬN THÔNG TIN

HẠNG 29 / 34

3,20 / 10 **-1,60 so với trung bình cả nước**

B THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

HẠNG 33 / 34

2,60 / 10 **-2,61 so với trung bình cả nước**

C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

HẠNG 34 / 34

2,28 / 10 **-3,54 so với trung bình cả nước**

D PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HẠNG 29 / 34

3,54 / 10 **-2,42 so với trung bình cả nước**

★ ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT (GIỮA NHỮNG ĐIỂM YẾU)

- #1 A2 — Tiếp nhận thông tin nhà nước (tốt nhất cả nước)
- #3 C1 — Tận dụng FTA thực tế (hạng 3 cả nước)
- #4 A8 — Dự báo & thông tin thị trường
- #16 B4 — Mức độ phức tạp khi tuân thủ (có thể quản lý)

KHOẢNG TRỐNG NGHIÊM TRỌNG (6 CHỈ TIÊU XẾP CUỐI)

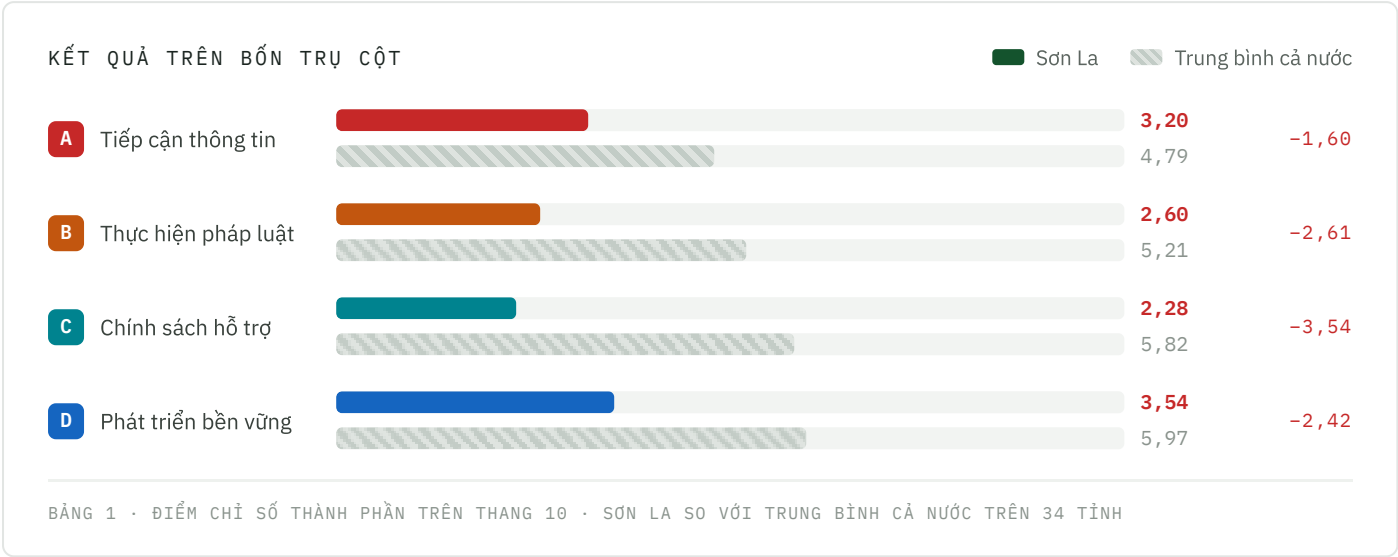
- #34 B5/B6/C5/C8/C9.1 — Đào tạo, phản hồi, rào cản, nhu cầu, xúc tiến
- #33 B2/B7/C7/C9.2 — Hướng dẫn, phản hồi, hiệu quả, chất lượng xúc tiến
- #32 A5/A6/C4 — Tham gia sự kiện, nguồn sự kiện, cam kết được khai thác

NGUỒN: FTA INDEX 2025 (TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG THỰC HIỆN CHO BỘ CÔNG THƯƠNG); KHẢO SÁT 4.066 DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU. ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10; ĐIỂM TỔNG HỢP TRÊN THANG 40. XẾP HẠNG TRÊN TỔNG SỐ 34 TỈNH.

01 Tổng quan kết quả

Sơn La xếp cuối bảng trong số 34 tỉnh, thành phố được đánh giá, thuộc nhóm “Trung bình thấp” (nhóm 6/6). Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy một trong những nghịch lý rõ nét nhất của FTA Index: doanh nghiệp trong tỉnh xếp **hạng 3** cả nước về mức độ tận dụng FTA, trong khi nguồn thông tin trực tiếp từ cơ quan nhà nước (A2) dẫn đầu cả nước và thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu (A8) xếp **hạng 4**. Điều này cho thấy doanh nghiệp có nhu cầu khai thác FTA cao và vẫn tích cực tham gia hoạt động xuất nhập khẩu. Trái ngược với năng lực chủ động của doanh nghiệp, hệ thống hỗ trợ thể

chế của địa phương còn rất hạn chế. Có tới sáu chỉ tiêu xếp cuối cả nước, bao gồm tần suất tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết, sự tham gia phản hồi chính sách, xúc tiến thương mại, khả năng đáp ứng nhu cầu và rào cản tận dụng FTA. Sơn La vì vậy là trường hợp điển hình của nhu cầu tận dụng FTA cao nhưng nguồn cung hỗ trợ công chưa theo kịp, khiến doanh nghiệp phần lớn phải tự tìm kiếm thông tin và tổ chức khác để hỗ trợ xuất khẩu.



Nhu cầu doanh nghiệp vượt trội

Tận dụng FTA **#3**, thông báo trực tiếp **#1**, dự báo **#4**.
Doanh nghiệp giao thương mạnh mẽ và được thông báo tốt – điều đáng chú ý với một tỉnh nông nghiệp vùng sâu.

Hỗ trợ gần như vắng bóng

Sáu chỉ tiêu xếp cuối bảng. Đào tạo, phản hồi chính sách, xúc tiến thương mại, rào cản và nhu cầu chưa đáp ứng đều ở mức thấp nhất cả nước. Hệ thống hỗ trợ thể chế chưa được hình thành ở mức cơ bản.

02 Phân tích chi tiết theo chỉ số thành phần

A

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 1

Tiếp cận thông tin

3,20/10

HẠNG 29 / 34 · -1,60

TỔNG QUAN

Kết quả của trụ cột thông tin thể hiện sự tương phản rõ rệt. Nguồn thông tin trực tiếp từ cơ quan nhà nước (A2) xếp **hạng 1** và thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu (A8) xếp **hạng 4**, cho thấy cơ quan QLNN tại địa phương có khả năng cung cấp trực tiếp những thông tin thiết yếu cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, sự đa dạng của các hình thức tiếp cận (A3) và tần suất truy cập thông tin trên cổng điện tử địa phương (A9) cùng xếp **hạng 31**; tần suất tham gia sự kiện truyền thông về FTA (A5) và nguồn thông tin về sự kiện (A6) cùng xếp **hạng 32**. Hệ thống hiện phụ thuộc quá nhiều vào thông báo trực tiếp, trong khi sự kiện truyền thông, nền tảng số và các kênh tiếp cận khác chưa phát huy hiệu quả.

MỨC ĐỘ THAM GIA & KÊNH SỐ

Khoảng 50% doanh nghiệp cho rằng thông tin từ cơ quan trung ương và địa phương đáp ứng phần lớn hoặc đầy đủ nhu cầu. Tuy nhiên, mức độ tham gia sự kiện rất thấp: chỉ 15% tham dự ít nhất ở mức không thường xuyên, trong khi 85% không tham gia hoặc rất hiếm khi tham gia; không doanh nghiệp nào cho biết tham dự thường xuyên. Trong số ít doanh nghiệp từng tham dự, 55,6% đánh giá tích cực về tính hữu

Sơn La

3,20

Trung bình cả nước

4,79

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#1 Cơ quan cung cấp thông tin FTA

#4 Thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu

#31 Hình thức tiếp cận thông tin về FTA

#31 Thông tin FTA trên cổng điện tử

#32 Tần suất tham gia sự kiện truyền thông

#32 Nguồn thông tin về sự kiện

ích, nhưng chỉ 16,7% đánh giá tốt tài liệu và không có phản hồi tích cực về thời lượng thảo luận. Đối với cổng điện tử địa phương, chất lượng và độ tin cậy được đánh giá tương đối tốt, nhưng tính cụ thể và kịp thời còn hạn chế. Các kết quả về sự kiện và cổng điện tử chỉ mang tính mô tả do số doanh nghiệp có trải nghiệm trực tiếp còn hạn chế.

B

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 2

Thực hiện quy định pháp luật theo FTA

2,60/10

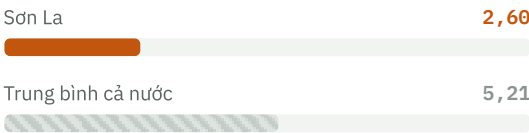
HẠNG 33 / 34 · -2,61

TỔNG QUAN

Hoạt động đồng hành pháp lý của địa phương còn rất hạn chế. Mức độ tham gia tập huấn VBPL (B5) và phản hồi, góp ý của doanh nghiệp (B6) cùng xếp **hạng 34**; tần suất hướng dẫn VBPL (B2) và mức độ cơ quan QLNN tại địa phương ghi nhận, tiếp thu ý kiến doanh nghiệp (B7) cùng xếp **hạng 33**. Chất lượng hướng dẫn VBPL (B3) xếp **hạng 21**, còn mức độ phức tạp khi tuân thủ VBPL (B4) xếp **hạng 16**, khả quan hơn về mặt thứ hạng. Kết quả này cho thấy điểm nghẽn chính nằm ở tần suất, độ bao phủ và tính liên tục của hoạt động hỗ trợ pháp lý.

MỨC ĐỘ NẮM BẮT & TẦN SUẤT HƯỚNG DẪN

Cụ thể, chỉ khoảng 20–32% nắm rõ các lĩnh vực pháp luật chủ yếu, trong khi 53–63% hoàn toàn chưa biết hoặc chỉ có hiểu biết cơ bản. Không doanh nghiệp nào thường xuyên nhận được hướng dẫn về ưu đãi thuế quan hoặc quy tắc xuất xứ; tỷ lệ thường xuyên được hướng dẫn trong các lĩnh vực còn lại chỉ đạt 10–15%. Khoảng 50–81% doanh nghiệp đánh giá các quy định chủ yếu là phức tạp, đặc biệt đối với TBT (81,2%), ưu đãi thuế quan và quy định về môi trường (75%).



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #16 Mức độ phức tạp tuân thủ VBPL thực thi FTA
- #21 Chất lượng hướng dẫn VBPL
- #33 Tần suất hướng dẫn VBPL
- #33 Tiếp thu ý kiến doanh nghiệp
- #34 Tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết
- #34 Phản hồi, góp ý VBPL

C

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

2,28/10

HẠNG 34 / 34 · -3,54

TỔNG QUAN

Đây là trụ cột có kết quả yếu nhất của Sơn La, đồng thời thể hiện rõ nhất nghịch lý giữa năng lực doanh nghiệp và chất lượng hỗ trợ công. Mức độ tận dụng FTA thực tế do doanh nghiệp tự đánh giá (C1) vẫn xếp **hạng 3** cả nước, cho thấy doanh nghiệp chủ động khai thác cơ hội thương mại dù thiếu sự hậu thuẫn tương xứng từ chính quyền địa phương.

HỆ SINH THÁI HỖ TRỢ

Ngược lại, các chỉ tiêu phản ánh hệ sinh thái hỗ trợ đều nằm ở cuối bảng. Tần suất xúc tiến thương mại (C9.1), khả năng đáp ứng nhu cầu hỗ trợ (C8) và mức độ rào cản (C5) cùng xếp **hạng 34**; hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ của cơ quan QLNN địa phương (C7) xếp **hạng 32** và khả năng tiếp cận chính sách của địa phương (C6) xếp **hạng 31**. Kết quả cho thấy thành tích tận dụng FTA hiện chủ yếu dựa vào nỗ lực riêng của doanh nghiệp, chưa phải kết quả của một hệ sinh thái hỗ trợ được tổ chức bài bản. Đây vừa là điểm yếu lớn, vừa cho thấy dư địa cải thiện đáng kể nếu địa phương thiết lập được các chương trình hỗ trợ phù hợp.

Sơn La

2,28

Trung bình cả nước

5,82

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#3 Mức độ tận dụng FTA

#31 Tiếp cận chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh

#32 Hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ của CQQLNN địa phương

#34 Rào cản khi tận dụng FTA

#34 Khả năng đáp ứng nhu cầu hỗ trợ

#34 Tần suất xúc tiến thương mại

D CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 4 Cam kết phát triển bền vững

3,54/10

HẠNG 29 / 34 · -2,42

TỔNG QUAN

Kết quả phát triển bền vững ở mức thấp trên hầu hết các chỉ tiêu. Mức độ hiểu biết về các cam kết PTBV (D1) xếp **hạng 30**, trong khi phần lớn các chỉ tiêu còn lại cũng thuộc nhóm cuối bảng. Điểm sáng tương đối là nhận thức về tầm quan trọng của việc tuân thủ cam kết PTBV đối với hoạt động của doanh nghiệp (D5), xếp **hạng 13**. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã phần nào nhận diện được ý nghĩa thương mại của PTBV nhưng còn thiếu kiến thức, sự chuẩn bị và hỗ trợ cần thiết để chuyển nhận thức thành hành động.

NHẬN THỨC & MỨC ĐỘ PHỦ HỖ TRỢ

Chỉ khoảng 6–13% doanh nghiệp cho rằng các yêu cầu phát triển bền vững tạo ra tác động lớn hoặc rất lớn đối với hoạt động kinh doanh. So sánh giữa các cam kết, hỗ trợ của cơ quan QLNN tại địa phương được đánh giá tích cực hơn đối với các cam kết về lao động và môi trường (46,7%), nhưng chỉ đạt 13,3% đối với IUU, SCDDD và CBAM. Có tới 60% doanh nghiệp cho biết chưa nhận được hỗ trợ về IUU, trong khi khoảng 30-40% chưa được hỗ trợ ở phần lớn các lĩnh vực chuyên biệt. Kết nối với cơ quan chuyên môn là hình thức hỗ trợ hiệu quả nhất (43,8%), còn hội nghị và tập huấn chỉ đạt 12,5%. Khoảng trống này đặc biệt đáng lo ngại đối với nông sản và trái cây xuất khẩu của Sơn La trước các yêu cầu ngày càng chặt chẽ về môi trường và truy xuất nguồn gốc.

Sơn La

3,54

Trung bình cả nước

5,97

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#13 Nhận thức tầm quan trọng của việc tuân thủ cam kết PTBV

#30 Mức độ hiểu biết về cam kết PTBV

03 Kết luận & hàm ý

ĐIỂM TỐT CẦN PHÁT HUY

- Mức độ tận dụng FTA xếp **hạng 3**, cho thấy doanh nghiệp tích cực khai thác các cơ hội xuất nhập khẩu dù chưa nhận được hỗ

HẠN CHẾ CẦN CẢI THIẾN

- Sáu chỉ tiêu xếp cuối cả nước, cho thấy hệ thống hỗ trợ thể chế chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

trợ tương xứng.

- **Nguồn thông tin trực tiếp từ cơ quan nhà nước dẫn đầu cả nước**, phản ánh khả năng tiếp cận doanh nghiệp tốt qua các kênh hành chính truyền thống.
- **Mức độ phức tạp khi tuân thủ xếp hạng 16**, khả quan hơn về mặt tương đối, nhưng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các quy định là phức tạp vẫn cao. Do đó, đây vẫn là một trở ngại thực tế cần được giải quyết bằng hướng dẫn chuyên sâu.

- **Hoạt động đồng hành pháp lý gần như chưa được triển khai thường xuyên**, thể hiện qua sự thiếu hụt tập huấn, tư vấn, phản hồi và tiếp thu ý kiến doanh nghiệp.
- **Phát triển bền vững chưa được tích hợp đầy đủ vào chương trình hỗ trợ doanh nghiệp**, mặc dù đây là yêu cầu ngày càng cấp thiết đối với xuất khẩu nông sản và trái cây sang thị trường EU.

Định hướng hành động

xây dựng hệ thống mà doanh nghiệp đang chờ đợi

NGAY BÂY GIỜ · 0-12 THÁNG

TIẾP THEO · 1-3 NĂM

1

Xây dựng nền tảng tập huấn và tư vấn pháp lý

Thiết lập thường xuyên các hoạt động tập huấn, tư vấn và đối thoại, đồng thời hình thành cơ chế tiếp nhận, phản hồi và xử lý vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình thực thi FTA.

B5/B6 · 34 → hình thành nền tảng hỗ trợ

2

Phát triển chương trình xúc tiến thương mại

Xây dựng chương trình xúc tiến thương mại cơ bản nhưng có trọng tâm, ưu tiên kết nối thị trường và đối tác cho lực lượng doanh nghiệp xuất khẩu đang hoạt động tích cực.

C9.1 · 34 → hình thành chương trình

3

Mở rộng sự kiện và các kênh thông tin số

Bổ sung sự kiện FTA, nâng cấp cổng thông tin điện tử và phát triển các kênh số như Zalo để giảm sự phụ thuộc vào thông báo trực tiếp.

A5/A9 · 31-32 → cải thiện thứ hạng

4

Khởi động chương trình phát triển bền vững

Nâng cao nhận thức và hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu nông sản, trái cây đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, môi trường và trách nhiệm chuỗi cung ứng tại thị trường EU.

Trụ cột D · 29 → cải thiện thứ hạng



MỤC TIÊU

Chuyển từ nhóm “Trung bình thấp” lên “Trung bình” – chỉ cần xây dựng hỗ trợ thể chế ở mức cơ bản, nhu cầu doanh nghiệp mạnh mẽ của tỉnh sẽ lo phần còn lại